

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **602/2020/LĐ-PT**

Ngày: 29/6/2020

V/v: “*Tranh chấp tiền lương, bồi  
thường thiệt hại và chấm dứt hợp  
đồng làm việc*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Hiền

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thanh Mai;

Ông Nguyễn Ngọc Tài.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/6/2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 31/2020/TLPT-LĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về tiền lương, bồi thường thiệt hại và chấm dứt hợp đồng làm việc*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 172/2020/LĐ-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2444/2020/QĐPT-LĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5947/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Vũ Mạnh C** – sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Số 523D T, phường 14, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn: Trường đại học T**

Địa chỉ: 19 T, phường P, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H (có mặt), ông Nguyễn Hữu Khánh N (có mặt), bà Nguyễn Thị Mỹ L (có mặt)

Theo Giấy ủy quyền ngày 11/5/2020.

**- Người kháng cáo:** nguyên đơn ông Vũ Mạnh C.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### ***\* Nguyên đơn là ông Vũ Mạnh C trình bày:***

Ông Vũ Mạnh C làm việc tại Trường Đại học T bằng hình thức thi tuyển viên chức theo Quyết định số 1356/QĐ-TĐT ngày 30/12/2009 về việc công nhận kết quả trúng tuyển viên chức. Ngày 15/01/2010, ông ký hợp đồng làm việc lần đầu với Trường Đại học T theo Hợp đồng số 37/10/TĐT-HĐLĐ bắt đầu làm việc tập sự với thời hạn hợp đồng là 01 năm từ ngày 15/01/2010 đến ngày 31/12/2010. Địa điểm làm việc tại số 98 T, Phường 19, quận B, nội dung công việc là giảng dạy tại Phòng trung cấp chuyên nghiệp, chịu sự điều hành trực tiếp của Trưởng phòng, thực hiện các quy định là giảng viên cơ hữu của nhà trường.

Ngày 01/01/2011, ông tiếp tục ký hợp đồng làm việc số 34/11/TĐT-HĐLV có thời hạn 03 năm từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2013, địa điểm làm việc là 98 T, Phường 19, quận B, nội dung công việc là Viên chức giảng dạy, theo sự phân công, giao việc, điều hành của Trưởng phòng Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế, quy định và văn bản hướng dẫn có liên quan của nhà trường.

Ngày 23/12/2013, ông có đơn xin chuyển nơi công tác và nhà trường đã có thông báo số 1696/2013/TĐT-TB ngày 30/12/2013 chuyển ông sang làm viên chức giảng dạy tại khoa Khoa học xã hội và nhân văn kể từ ngày 01/01/2014, đồng thời ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số 475/2013/TĐT-HĐLV ngày 31/12/2013. Nội dung công việc theo sự phân công của Trưởng khoa.

Ngày 14/12/2014, ông có đề nghị về lại Trường trung cấp, đồng thời Trường Đại học T đã ra thông báo số 1763/2014/TĐT-TB ngày 19/12/2014 chuyển ông sang công tác tại Trường trung cấp chuyên nghiệp T.

Ngày 13/7/2018, ông nộp đơn xin nghỉ việc không hưởng lương, ngày 18/7/2018, Trường Đại học T ban hành Quyết định số 1270/2018/TĐT-QĐ về việc cho phép viên chức nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01/9/2018 đến 01/9/2019.

Ngày 12/01/2019 và ngày 13/02/2019, ông hai lần làm đơn đề nghị chấm dứt hợp đồng làm việc đồng thời yêu cầu Trường Đại học T phải bồi thường theo quy định.

Tuy nhiên, theo ông ngày 28/02/2019, ông nhận được Quyết định số 646/2019/QĐ-TĐT ký ngày 27/02/2019 của Trường Đại học T về việc chấm dứt hợp đồng làm việc, Quyết định này là đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật nên ông khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bị đơn phải bồi thường cho ông các khoản sau:

- Thanh toán tiền lương và đóng các khoản phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định tính từ 01/01/2018 đến ngày 28/02/2019 tổng cộng là 15.500.000 đồng x 05 tháng = 77.500.000 đồng.

- Thanh toán tiền phép năm còn lại và lương tháng 13 là 15.500.000 đồng + 15.500.000 đồng x 08 ngày = 21.100.000 đồng.

- Bồi thường các khoản tổng cộng là 627.000.000 đồng theo quy định cụ thể:

+ Lương và các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế các ngày ông không được làm việc tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày 28/02/2019 là 16.500.000 x 12 tháng = 198.000.000 đồng.

+ Bồi thường hợp đồng làm việc 24 tháng tiền lương x 16.500.000 = 396.000.000 đồng.

+ Bồi thường do vi phạm thời gian báo trước là 16.500.000 đồng x 44 ngày = 33.000.000 đồng.

- Buộc bị đơn hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng trái pháp luật và công khai xin lỗi bằng văn bản.

**\* Bị đơn Trường Đại học T do người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Thống nhất về quá trình thực hiện hợp đồng làm việc theo nguyên đơn trình bày và có ý kiến cụ thể về quá trình làm việc của ông Vũ Mạnh C như sau: Hợp đồng làm việc lần đầu số 37/10/TĐT-HĐLĐ ngày 15/01/2010 (Thời hạn 01 năm), nhiệm vụ là Viên chức giảng dạy tại Phòng Trung cấp chuyên nghiệp. Hợp đồng làm việc số 34/11/TĐT-HĐLV ngày 01/01/2011 (Thời hạn 03 năm), nhiệm vụ là Viên chức giảng dạy (theo sự phân công điều hành của Trưởng phòng Trung cấp chuyên nghiệp). Thông báo điều động viên chức số 1696/2013/TĐT-TB ngày 30/12/2013, điều động ông C sang làm việc viên chức giảng dạy tại Khoa khoa học xã hội và nhân văn theo Hợp đồng làm việc số 475/2013/TĐT-HĐLV ngày 31/12/2013 (Không xác định thời hạn). Chức danh: Viên chức giảng dạy Khoa khoa học xã hội và nhân văn. Đơn đề ngày 14/12/2014, Thông báo điều chuyển viên chức số 1763/2014/TĐT-TB ngày 19/12/2014, điều chuyển ông C sang làm viên chức giảng dạy thuộc Trường Trung cấp chuyên nghiệp T.

Đơn thông báo lần 1 ngày 22/01/2018 về quyền quay lại Khoa khoa học xã hội và nhân văn. Quyết định số 1270/2018/TĐT-QĐ ngày 18/7/2018 cho phép ông C nghỉ việc không hưởng lương 01 năm từ ngày 01/9/2018 đến 01/8/2019 theo đơn yêu cầu. Đơn thông báo lần 2 ngày 12/12/2018 quyền quay lại Khoa khoa học xã hội và nhân văn; đề nghị được quay lại Khoa khoa học xã hội và nhân văn để làm nghiên cứu khoa học. Đơn đề nghị ngày 12/01/2019 về việc Chấm dứt việc chuyển công tác và khắc phục hậu quả, nếu không đề nghị nghỉ việc và bồi thường. Đơn đề nghị lần 2 ngày 13/02/2019, đề nghị chấm dứt hợp đồng làm việc và bồi thường theo quy định và Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc số 646/2019/QĐ-TĐT ngày 27/02/2019.

Theo bị đơn, trong đoạn cuối của đơn kiến nghị, ông C có viết: “*căn cứ khoản 1 Điều 3 Hợp đồng làm việc nêu trên và khoản 1 Điều 28 Luật Viên chức 2010. Tôi đề nghị chấm dứt hợp đồng làm việc số 475/2013/TĐT-HĐLV ngày 31/12/2013...*” Nên Trường Đại học T đã căn cứ vào các quy định pháp luật cụ thể căn cứ khoản 4 Điều 29 Luật Viên chức 2010. Nhà trường đã chấp nhận đề nghị của ông C và chấm dứt hợp đồng làm việc sau khi ông C nộp đơn theo

nguyện vọng, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Mạnh C.

**\* *Tại bản án số 172/2020/LĐ-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:***

Căn cứ khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động;

Căn cứ Luật Viên chức;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền lương, bồi thường thiệt hại và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của nguyên đơn là ông Vũ Mạnh C, sinh năm 1973 đối với Trường Đại học T.

2. Về án phí: ông Vũ Mạnh C không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn ông Vũ Mạnh C nộp đơn kháng cáo đề ngày 24/02/2020, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**\* *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- *Nguyên đơn là người kháng cáo ông Vũ Mạnh C trình bày:* kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do nội dung bản án sơ thẩm phản ánh không đúng thực tế các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- *Bị đơn Trường Đại học T do người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Thanh H, ông Nguyễn Hữu Khánh N, bà Nguyễn Thị Mỹ L thống nhất trình bày:* Bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, y án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:* Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, được chấp nhận; Về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên căn cứ khoản 1 Điều 318 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Mạnh C trong thời hạn luật định, đã tạm ứng án phí theo quy định, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Xác định quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp tiền lương, bồi thường thiệt hại và chấm dứt hợp đồng làm việc*” theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 08/8/2019.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa xét thấy: Ông Vũ Mạnh C và Trường Đại học T có ký Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số: 475/2013/TĐT-HĐLV ngày 31/12/2013 (BL 74), chức danh công việc: viên chức giảng dạy Khoa Khoa học xã hội & Nhân văn. Ngày 27/02/2019, Trường Đại học T có Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng làm việc số 646/2019/QĐ-TĐT (BL 72) đối với ông C.

[3.1.1] Xét thấy, theo quy định của Điều 3 phần 1 Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số 475/2013/TĐT-HĐLV ngày 31/12/2013 quy định về quyền lợi của viên chức có quy định “...*có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật...*”, nguyên đơn đã hai lần gửi đơn đề nghị chấm dứt hợp đồng làm việc: Đơn đề nghị ngày 12/01/2019 (BL 47), Đơn đề nghị lần 2 ngày 13/02/2019 (BL 83-84), trong đó nội dung của Đơn đề nghị lần 2 ngày 13/02/2019, ông C viết: “*căn cứ Khoản 1 Điều 3 Hợp đồng làm việc nêu trên và Khoản 1 Điều 28 Luật Viên chức 2010. Tôi đề nghị chấm dứt hợp đồng làm việc số 475/2013/TĐT-HĐLV ngày 31/12/2013...*”. Nguyên đơn đã nhiều lần gửi đơn trình bày là có nguyện vọng được nghỉ việc nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng viên chức: “*1. Viên chức được giải quyết thôi việc trong các trường hợp sau: a) Viên chức có đơn tự nguyện xin thôi việc được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản...*”. Do đó, việc Trường Đại học T chấp nhận đề nghị chấm dứt hợp đồng làm việc của ông Vũ Mạnh C là không trái pháp luật.

[3.2] Tuy nhiên, ông C cho rằng đề nghị chấm dứt hợp đồng làm việc là một đề nghị có điều kiện bởi giữa nguyên đơn và Hiệu trưởng Trường Đại học T có thỏa thuận hai điều kiện trước khi đồng ý quay lại Trường trung cấp chuyên nghiệp nên ông C đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng làm việc ký ngày 31/12/2013 và khoản 1 Điều 28 của Luật viên chức đề nghị bị đơn chấm dứt hợp đồng làm việc và phải bồi thường cho ông theo quy định.

[3.2.1] Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật viên chức 2012: “*1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng làm việc, nếu một bên có yêu cầu thay đổi nội dung hợp đồng làm việc thì phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 03 ngày làm việc. Khi đã chấp thuận thì các bên tiến hành sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan của hợp đồng làm việc. Trong thời gian tiến hành thỏa thuận, các bên vẫn phải tuân theo hợp đồng làm việc đã ký kết. Trường hợp không thỏa thuận được thì các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng làm việc đã ký kết hoặc thỏa thuận chấm dứt*

*hợp đồng làm việc*”. Như vậy, trong thời gian ông C đang nghỉ việc không hưởng lương và đã có đơn đề nghị chấm dứt hợp đồng làm việc và nhiều lần khẳng định việc này cho thấy ý chí của nguyên đơn là tự nguyện. Mặt khác hợp đồng làm việc không có điều khoản thỏa thuận về hai điều kiện nguyên đơn nêu trên, đồng thời nguyên đơn cũng không đưa ra được tài liệu chứng minh cho việc này theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Vì vậy, bị đơn giải quyết chấm dứt hợp đồng làm việc cho nguyên đơn theo nguyện vọng là có căn cứ.

[3.2.2] Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở cho rằng Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc số 646/2019/QĐ-TĐT ngày 27/02/2019 đúng pháp luật nên các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3.2.3] Theo quy định của Điều 45 của Luật Viên Chức 2012 quy định về chế độ thôi việc và Điều 39 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 thì khoản 2 quy định “... *Trợ cấp thôi việc đối với thời gian công tác của viên chức từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến nay được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ cấp thất nghiệp...*”. Nguyên đơn làm việc từ 15/01/2010, tại phiên tòa cũng như căn cứ tài liệu do nguyên đơn nộp thể hiện sau khi nhận quyết định nghỉ việc, nguyên đơn đã nộp hồ sơ và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định nên yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2.4] Ghi nhận việc bị đơn đã thanh toán phần tiền phép năm bỏ sung cho nguyên đơn theo quy định.

[3.3] Vì vậy, hội đồng xét xử có cơ sở không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Mạnh C, có căn cứ giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 172/2020/LĐ-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.4] Về án phí:

[3.4.1] Án phí lao động sơ thẩm: Theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Vũ Mạnh C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí.

[3.4.2] Về án phí lao động phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên nguyên đơn ông Vũ Mạnh C phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo quy định pháp luật.

*Vì những lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 32, Điều 91, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Bộ luật Lao động;

- Căn cứ Luật Viên chức;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

\* Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Mạnh C trong thời hạn luật định, đã tạm ứng án phí theo quy định, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

\* Về nội dung: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Mạnh C. Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 172/2020/LĐ-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền lương, bồi thường thiệt hại và chấm dứt hợp đồng làm việc của nguyên đơn là ông Vũ Mạnh C, sinh năm 1973 đối với Trường Đại học T.

2. Về án phí: Ông Vũ Mạnh C không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Vũ Mạnh C không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

4. Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND quận Bình Thạnh ;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Hiền**

